

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 5
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		819.274.173.362	585.057.706.971
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	64.341.850.397	160.157.710.501
1. Tiền	111		8.341.850.397	10.157.710.501
2. Các khoản tương đương tiền	112		56.000.000.000	150.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		86.012.204.818	124.448.582.350
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	125.574.885.506	162.625.181.038
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(39.562.680.688)	(38.176.598.688)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		229.222.681.802	159.196.538.983
1. Phải thu khách hàng	131		164.694.926.770	42.185.143.309
2. Trả trước cho người bán	132		44.552.963.425	99.160.688.953
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	20.829.582.025	18.748.046.647
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(854.790.418)	(897.339.926)
IV. Hàng tồn kho	140		432.035.909.443	124.490.232.101
1. Hàng tồn kho	141	V.5	432.035.909.443	124.490.232.101
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.661.526.902	16.764.643.036
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	6.282.216.870	14.502.676.630
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.712.758	683.574.119
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	1.371.597.274	1.578.392.287

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		407.329.393.579	412.870.298.307
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.182.343.991	7.295.266.981
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		7.182.343.991	7.295.266.981
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		178.009.682.858	196.825.816.964
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	174.048.270.787	192.757.377.966
<i>Nguyên giá</i>	222		1.070.426.900.211	1.065.285.505.445
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(896.378.629.424)	(872.528.127.479)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.494.201.477	2.801.124.796
<i>Nguyên giá</i>	228		6.437.349.921	6.437.349.921
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.943.148.444)	(3.636.225.125)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	1.467.210.594	1.267.314.202
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		218.815.366.521	205.385.418.036
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	49.396.352.372	50.471.625.700
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	177.708.120.000	163.202.898.187
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.15	(8.289.105.851)	(8.289.105.851)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.322.000.209	3.363.796.326
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	3.322.000.209	3.363.796.326
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.226.603.566.941	997.928.005.278

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		444.517.490.983	289.671.878.327
I. Nợ ngắn hạn	310		420.706.488.553	265.452.359.871
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	78.912.609.737	83.515.667.627
2. Phải trả người bán	312		167.538.867.798	60.582.872.212
3. Người mua trả tiền trước	313		1.097.786.320	13.650.106.318
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	58.450.653.782	53.645.380.563
5. Phải trả người lao động	315		26.684.094.232	9.502.148.245
6. Chi phí phải trả	316	V.19	55.008.593.085	24.245.585.680
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	33.013.883.599	20.310.599.226
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		23.811.002.430	24.219.518.456
1. Phải trả dài hạn người bán	331		553.140.000	553.140.000
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.21	-	578.632.133
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	22.165.643.622	22.165.643.622
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.23	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	1.092.218.808	922.102.701
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		768.202.394.257	700.267.773.868
I. Vốn chủ sở hữu	410		739.919.503.849	671.637.684.491
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	114.994.917.000	114.994.917.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(9.703.995.196)	(9.703.995.196)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(280.763.897)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	111.828.665.270	111.893.296.513
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	19.462.421.508	19.457.219.895
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.25	277.003.934	177.486.882
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	203.060.491.333	135.099.523.294
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		28.282.890.408	28.630.089.377
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.26	27.555.459.028	27.807.209.546
2. Nguồn kinh phí	432	V.27	37.576.114	84.776.114
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	V.28	689.855.266	738.103.717
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		13.883.681.701	7.988.353.083
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.226.603.566.941	997.928.005.278

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	103.742.647.619
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		548.144.663	548.144.663
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		33.254,04	78.032,47
Euro (EUR)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 10 tháng 05 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Trung Kiên

Lê Thị Huệ

Lê Văn Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I Năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	320.093.452.521	375.179.536.858	320.093.452.521	375.179.536.858
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	320.093.452.521	375.179.536.858	320.093.452.521	375.179.536.858
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	205.241.285.874	298.563.027.532	205.241.285.874	298.563.027.532
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		114.852.166.647	76.616.509.326	114.852.166.647	76.616.509.326
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	6.121.195.554	10.662.093.289	6.121.195.554	10.662.093.289
7. Chi phí tài chính	22	VL4	4.370.563.784	9.738.408.302	4.370.563.784	9.738.408.302
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.485.534.173	5.822.114.400	2.485.534.173	5.822.114.400
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	5.961.332.342	8.155.993.204	5.961.332.342	8.155.993.204
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	19.356.534.015	13.305.977.949	19.356.534.015	13.305.977.949
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		91.284.932.060	56.078.223.160	91.284.932.060	56.078.223.160
11. Thu nhập khác	31	VL7	154.198.068	144.918.975	154.198.068	144.918.975
12. Chi phí khác	32	VL8	63.249.966	94.715.879	63.249.966	94.715.879
13. Lợi nhuận khác	40		90.948.102	50.203.096	90.948.102	50.203.096
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết	41		(435.761.331)	190.215.273	(435.761.331)	190.215.273
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		90.940.118.831	56.318.641.529	90.940.118.831	56.318.641.529
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		22.810.758.348	12.885.527.881	22.810.758.348	12.885.527.881
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VL9	-	19.839.059	-	19.839.059
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		68.129.360.483	43.413.274.589	68.129.360.483	43.413.274.589
19. Lợi ích cổ đông thiểu số	70		148.066.514	2.398.294.333	148.066.514	2.398.294.333
20. Lợi ích của Công ty	80		67.981.293.969	41.014.980.256	67.981.293.969	41.014.980.256

Người lập biểu



Lê Trung Kiên

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 10 tháng 05 năm 2010

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 - Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 - Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		90.940.118.831	211.981.556.347
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		24.349.397.887	45.440.367.767
- Các khoản dự phòng	03		1.513.648.599	(35.508.957.031)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		280.763.897	218.567.046
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(191.972.623)	(33.983.310.253)
- Chi phí lãi vay	06		2.485.534.173	15.815.760.756
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		119.377.490.764	203.963.984.632
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(69.870.670.321)	50.292.078.154
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(307.545.677.342)	(6.751.648.619)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		155.745.340.254	(52.590.335.694)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		9.144.912.251	795.104.594
- Tiền lãi vay đã trả	13		(15.263.792.244)	(16.004.675.928)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.968.631.742)	(1.480.818.918)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	1.560.365.213
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.451.915.220)	(3.655.376.462)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(112.832.943.600)	176.128.676.972
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.880.205.661)	(47.072.298.060)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			8.688.793.777
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(919.704.468)	(48.906.870.350)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.546.350.149	18.653.789.093
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(954.726.672)	(6.678.840.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			10.218.855.814
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.948.428.038	31.992.281.357
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		21.740.141.386	(33.104.288.369)

CÔNG TY CỔ PHẦN MIA ĐƯƠNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.25	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		8.475.417.145	313.274.305.407
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(13.078.475.035)	(302.849.205.955)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25	(120.000.000)	(23.394.895.666)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(4.723.057.890)</i>	<i>(12.969.796.214)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(95.815.860.104)	130.054.592.389
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	160.157.710.501	30.070.979.170
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	32.138.942
Ảnh hưởng do thanh lý công ty con				
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	64.341.850.397	160.157.710.501

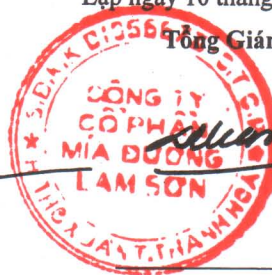
Lập ngày 10 tháng 05 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Trung Kiên

Lê Thị Huệ

Lê Văn Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 - Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nha, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chăn nuôi bò sữa, chế biến sữa, bò thịt, chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.

4. Công ty con

Đến thời điểm kết thúc niên độ tài chính được công bố ở đây Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn có 03 Công ty con. Tất cả các Công ty con đều được hợp nhất số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010. Danh sách các Công ty con, địa chỉ, quyền kiểm soát và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn như sau

Tên đơn vị	Địa chỉ	Quyền kiểm soát (%)	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ (%)
1. Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa	57,69	57,69
2. Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng, Thọ Xuân, Thanh Hóa	90,98	90,98
3. Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa	58,33	58,33

Ngày 04/03/2010, Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn thực hiện chuyển tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn, nâng quyền kiểm soát và tỷ lệ lợi ích công ty mẹ là 58,33%, chuyển Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn từ Công ty liên kết thành Công ty con. Trên báo cáo tài chính Hợp nhất của niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010 đã bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính thứ 11 của Công ty từ khi chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của tất cả các công ty con do công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

1.1 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Bảng cân đối kế toán của công ty mẹ và các công ty con theo từng khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục của Bảng cân đối kế toán không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm:
 - + Các khoản đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số;
 - + Các khoản phải thu, phải trả nội bộ giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn;
 - + Các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
 - + Các khoản vốn góp liên doanh, liên kết điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

1.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Báo kết quả kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và của các công ty con trong tập đoàn theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.
- Đối với những khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
 - + Doanh thu, giá vốn hàng bán, lãi, lỗ nội bộ tập đoàn;
 - + Lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - + Thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty mẹ và các công ty con.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản đầu tư vào Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm từ 01% đến 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009: 17.941 VND/USD

31/03/2010: 18.544 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.014.840.630	709.248.498
Tiền gửi ngân hàng	7.327.009.767	9.448.462.003
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	56.000.000.000	150.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	<i>56.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
Cộng	<u>64.341.850.397</u>	<u>160.157.710.501</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	115.748.310.688	113.718.310.688
- Cổ phiếu	<i>105.748.310.688</i>	<i>103.718.310.688</i>
- Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
Đầu tư ngắn hạn khác	9.826.574.818	48.906.870.350
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống		<i>40.000.000.000</i>
- Đầu tư ngắn hạn khác – cho vay ngắn hạn	<i>9.826.574.818</i>	<i>8.906.870.350</i>
Cộng	<u>125.574.885.506</u>	<u>162.625.181.038</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(39.562.680.688)	(38.176.598.688)

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.377.095.593	2.127.095.593
BHXH, BHYT phải thu		
Tiền cho vay	10.134.581.400	10.334.581.400
Phải thu CBCNV tiền vay Ngân hàng công thương Thanh Hóa (Công ty bảo lãnh)	182.081.212	228.599.612
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.300.316.440	5.173.169.508
Phải thu khác tại Cty CP Rượu VN – Thụy Điển	455.486.431	
Các khoản phải thu khác	5.380.020.949	884.600.534
Cộng	<u>20.829.582.025</u>	<u>18.748.046.647</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	3.173.143.033	10.834.653.802
Nguyên liệu, vật liệu	34.950.250.925	49.936.656.761

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.241.813.359	990.746.489
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.355.485.849	20.054.336.468
Thành phẩm	385.714.065.900	41.916.679.677
Hàng hóa	2.601.150.377	757.158.904
Hàng gửi đi bán		
Cộng	<u><u>432.035.909.443</u></u>	<u><u>124.490.232.101</u></u>

6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu		
Thành phẩm		
Cộng	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	-
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	
Số cuối kỳ	<u><u>-</u></u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào CP SXKD trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
CP kiểm tu	12.126.090.175		12.126.090.175		
C cụ dụng cụ					
CP điện lưới		2.154.318.555	2.154.318.555		
Chi phí bảo hộ lao động					
CP sửa chữa phát sinh ngoài vụ					
CP chuyển cơ cấu giống mía	473.327.929		473.327.929		
CP vận chuyển					
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.903.258.526	13.389.762.887	9.010.804.543		6.282.216.870
Cộng	<u><u>14.502.676.630</u></u>	<u><u>15.544.081.442</u></u>	<u><u>23.764.541.202</u></u>		<u><u>6.282.216.870</u></u>

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		
Tiền thuê đất nộp thừa		
Cộng		
9. Tài sản ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.361.990.224	774.724.295
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		803.667.992
Tài sản thiếu chờ xử lý		
Tài sản ngắn hạn khác	9.607.050	
Cộng	<u>1.371.597.274</u>	<u>1.578.392.287</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	202.132.427.153	202.132.427.153		770.815.406.491	70.617.915.117			
Số đầu năm tại ngày 01/01/2010	202.132.427.153	202.132.427.153	770.815.406.491	70.617.915.117	21.693.948.684	25.808.000	1.065.285.505.445	
Tăng trong năm								
Mua sắm mới	55.667.273	55.667.273	1.069.910.182	509.090.909	108.986.360		1.743.654.724	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành								
Phân loại lại	24.262.954	24.262.954	3.516.800.808		68.576.147	81.441.819	3.691.081.728	
Tăng khác								
Giảm trong năm								
Chuyển thành công cụ dụng cụ								
Thanh lý, nhượng bán và góp vốn đầu tư bằng tài sản			(293.341.686)				(293.341.686)	
Phân loại lại								
Giảm khác (giảm do thanh lý công ty con)								
Giảm khác								
Số cuối kỳ tại ngày 31/03/2010	202.212.357.380	202.212.357.380	775.108.775.795	71.127.006.026	21.871.511.191	107.249.819	1.070.426.900.211	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm tại ngày 01/01/2010	145.358.062.777	665.042.348.442	44.764.217.557	17.363.498.703		872.528.127.479
Tăng trong năm	6.245.458.928	13.675.108.219	2.857.596.314	511.351.272	5.938.466	23.295.453.199
Khấu hao trong năm	19.713.650	615.812.004	3	61.196.989	45.811.023	742.533.669
Phân loại lại	4.487.700					4.487.700
Khấu hao TSCĐ phục lợi						
Tăng khác						
Giảm trong năm						
Chuyển sang công cụ dụng cụ						
Thanh lý, nhượng bán và góp vốn đầu tư bằng tài sản		(178.746.873)				(178.746.873)
Phân loại lại	(13.225.750)					(13.225.750)
Giảm khác (giảm do thanh lý công ty con)						
Số cuối kỳ tại ngày 31/03/2010	151.614.497.305	679.154.521.792	47.621.813.874	17.936.046.964	51.749.489	896.378.629.424
Giá trị còn lại						
Số đầu năm tại ngày 01/01/2010	56.774.364.376	105.773.058.049	25.853.697.560	4.330.449.981	25.808.000	192.757.377.966
Số cuối kỳ tại ngày 31/03/2010	50.597.860.075	95.954.254.003	23.505.192.152	3.935.464.227	55.500.330	174.048.270.787

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm 01/01/2010	745.878.600		5.691.471.321	6.437.349.921
Tăng do mua sắm mới				
XDCB hoàn thành				
Thanh lý nhượng bán				
Giảm do thanh lý công ty con				
Số cuối kỳ 31/03/2010	745.878.600		5.691.471.321	6.437.349.921
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm 01/01/2010	74.587.865		3.561.637.260	3.636.225.125
Khấu hao trong năm	9.323.484		297.599.835	306.923.319
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm do thanh lý công ty con				
Số cuối kỳ 31/03/2010	83.911.349		3.859.237.095	3.943.148.444
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	671.290.735		2.129.834.061	2.801.124.796
Số cuối kỳ	661.967.251		1.832.234.226	2.494.201.477

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ					
XDCB dở dang					
<i>Hệ thống tưới ngâm (Netafim- Israel)</i>					
<i>Văn phòng LSSV</i>	<i>242.000.000</i>	<i>105.851.999</i>			<i>347.851.999</i>
<i>Khu VH-TT LS</i>	<i>759.176.155</i>				<i>759.176.155</i>
<i>Trường CĐ nghề Lam Kinh</i>	<i>222.993.683</i>	<i>90.125.893</i>	<i>7.481.500</i>		<i>305.638.076</i>
<i>Nâng cấp hai nhà máy đường</i>					
<i>Khách sạn LS</i>		<i>7.000.000</i>			<i>7.000.000</i>
<i>Các công trình khác</i>	<i>43.144.364</i>	<i>4.400.000</i>			<i>47.544.364</i>
Sửa chữa lớn					
TSCĐ					
Cộng	1.267.314.202	207.377.892	7.481.500		1.467.210.594

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại ngày 31/03/2010
		Tỷ lệ vốn góp %	Tỷ lệ phần biểu quyết nắm giữ %	
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hoá	25A Quang Trung- TP Thanh Hóa	34,03	34,03	4.678.744.799
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thuy Điện	36-38 Lạc Chính- Ba Đình- Hà Nội	32,50	32,50	9.525.104.632
Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn	Xã Vạn Thắng- Nông Cống- Thanh Hóa	32,03	49,62	4.732.867.517
Công ty Cổ phần Đầu tư TM Lam Sơn	253 Trần Phú- TP Thanh Hóa	28,57	28,57	10.867.003.910
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	KCN Lễ Môn- TP Thanh Hóa	19,06	25,48	19.592.631.514
Cộng				49.396.352.372

Trong đó:

	Số cuối kỳ
Vốn đầu tư ban đầu	49.979.550.000
Các khoản ghi nhận theo phương pháp vốn chủ	0
<i>Quỹ Đầu tư phát triển được hưởng ở Công ty liên kết</i>	377.586.246
<i>Quỹ Dự phòng tài chính được hưởng ở Công ty liên kết</i>	55.218.611
<i>Quỹ khác được hưởng ở Công ty liên kết</i>	277.003.934
<i>Lợi nhuận sau thuế ở Công ty liên kết</i>	(1.293.006.419)
Cộng	49.396.352.372

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**14. Đầu tư dài hạn khác**

		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư trái phiếu		500.000.000	500.000.000
Cho vay dài hạn		19.518.400.000	21.573.178.187
<i>Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn</i>		7.418.400.000	7.418.400.000
<i>Công ty Cổ phần CG NN Lam Sơn</i>			554.778.187
<i>Công ty Cổ phần ĐTTM Lam Sơn</i>		6.600.000.000	6.600.000.000
<i>Công ty Cổ phần vận tải Lam Sơn</i>		5.500.000.000	7.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác - góp vốn cổ phần	SL CP	157.689.720.000	141.129.720.000
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn</i>	190.000	1.900.000.000	1.900.000.000
<i>Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn TT</i>	4.056.000	88.560.000.000	72.000.000.000
<i>Trường Lam Kinh</i>		300.000.000	300.000.000
<i>Công ty Cổ phần MĐ Sơn La</i>	750.000	11.250.000.000	11.250.000.000
<i>Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông</i>	2.314.200	23.142.000.000	23.142.000.000
<i>Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Tiger Fund</i>	3.000.000	30.300.000.000	30.300.000.000
<i>Khác</i>		2.237.720.000	2.237.720.000-
Cộng		177.708.120.000	163.202.898.187

15. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng cho đầu tư dài hạn	(8.289.105.851)	(8.289.105.851)

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào		Số cuối kỳ
			chi phí SXKD trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	
Công cụ dụng cụ					
Chi phí thuê đất	1.688.151.546		13.773.450		1.674.378.096
Chi phí thuê kho	0				
Chi phí khác	1.675.644.780	339.914.616	367.937.283		1.647.622.113
Cộng	3.363.796.326	339.914.616	381.710.733		3.322.000.209

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	52.102.701.200	44.982.834.055
- <i>Ngân hàng Công thương VN – CN Thanh Hóa</i>	19.631.955.200	11.156.538.055
- <i>Ngân hàng NN PTNT VN – CN Lam Sơn</i>	2.470.746.000	3.826.296.000
- <i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT – CN Bình Dương</i>		
- <i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT – CN Thanh Hóa</i>	30.000.000.000	30.000.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.730.000.000	5.205.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty Cao su Thanh Hóa		
- Các đối tượng khác	2.730.000.000	5.205.500.000
Vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2010	24.079.908.537	33.327.333.572
Cộng	78.912.609.737	83.515.667.627

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	83.515.667.627
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	14.775.102.865
Kết chuyển từ vay dài hạn	
Tăng khác	
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(19.378.160.755)
Giảm khác	
Số cuối kỳ	78.912.609.737

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.162.651.777	2.470.396.635	15.987.006.427	2.646.041.984
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	21.789.695	372.674.000	394.463.695	
Thuế xuất, nhập khẩu	30.054.752		30.054.752	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.414.320.015	20.922.920.059	12.551.492.601	55.785.747.474
Thuế TNDN nộp thay nhà thầu nước ngoài				
Thuế thu nhập cá nhân	11.103.924	2.300.000		13.403.924
Thuế tài nguyên	642.400	5.000.000	5.000.000	642.400
Tiền thuê đất		4.000.000	4.000.000	
Các loại thuế khác, phí	4.818.000			4.818.000
Cộng	53.645.380.563	33.777.290.694	28.972.017.475	58.450.653.782

Trong đó	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Số phải nộp	53.645.380.563	58.450.653.782
Số nộp thừa		-
Cộng	53.645.380.563	58.450.653.782

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng:

Đường, mật rỉ, phân bón	5%
Cồn	10%
Dịch vụ cho thuê kho bãi, khách sạn	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất***Thuế xuất, nhập khẩu***

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	472.493.540	245.384.214
Cước vận chuyển	2.000.138.999	697.182.133
Chi phí khuyến mại	405.336.557	112.289.520
Chi phí thuê kho, thuê đất		
Tiền mua mía và các chi phí liên quan	18.628.542.981	700.167.196
Tiền điện, nước, điện thoại phải trả	211.440.852	144.387.270
Chi phí sửa chữa lớn		
Chi phí sửa chữa đường giao thông	30.165.000	30.165.000
Chi phí dịch vụ tư vấn, kiểm toán	257.905.856	498.933.000
Quỹ PT KH CN	31.035.652.045	21.760.640.793
Các khoản khác	1.966.917.255	56.436.554
Cộng	<u>55.008.593.085</u>	<u>24.245.585.680</u>

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết		
Bảo hiểm xã hội	3.004.726.457	754.396.116
Kinh phí công đoàn	1.130.518.021	484.361.387
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	529.124.334	472.680.334
Bảo hiểm xã hội trợ cấp cho người lao động	152.383.867	152.383.867
Quỹ CBCNV đóng góp	15.357.969.073	15.357.969.073
Các khoản phải trả khác	12.839.161.847	3.088.808.449
Cộng	<u>33.013.883.599</u>	<u>20.310.599.226</u>

21. Nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả dài hạn người bán		
Phải trả Nhà nước (hộ nghèo vay mua cổ phần)		578.632.133
Nhận ký quỹ dài hạn		

22. Vay và nợ dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	20.721.577.941	20.721.577.941
- Ngân hàng Công thương CN Thanh Hóa		
- Ngân hàng Sacombank CN Thanh Hóa	6.000.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng Phát triển Thanh Hóa	12.873.652.941	12.873.652.941
- Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	1.847.925.000	1.847.925.000
- Ngân hàng Sacombank CN Bình Dương		
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.444.065.681	1.444.065.681
Cộng	<u>22.165.643.622</u>	<u>22.165.643.622</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	22.165.643.622
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	
Tăng khác (chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm)	
Số tiền vay đã trả trong kỳ	
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	
Giảm khác	
Số cuối kỳ	<u>22.165.643.622</u>

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số đầu năm	
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	
Số cuối kỳ	<u>-</u>

24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	922.102.701
Số trích lập trong kỳ	215.609.877
Số chi trong kỳ	(45.493.770)
Giảm khác	
Số cuối kỳ	<u>1.092.218.808</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

25. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	Lợi nhuận sau thuế
Số đầu năm trước	300.000.000.000	14.994.917.000	9.703.995.196		106.631.439.364	6.866.355.009	340.226.757	15.866.966.581
Cổ đông góp vốn								
<i>Trong đó - bằng tiền</i>								
- <i>cổ tức</i>								
Lợi nhuận năm trước								163.318.888.096
Trích lập các quỹ trong năm trước					5.608.556.614	2.804.278.307		(14.021.391.535)
Thuế TNDN được miễn giảm tăng Quỹ đầu tư phát triển					31.935.422			(31.935.422)
Chia cổ tức năm trước								(23.867.576.000)
Lợi ích cổ đông thiểu số								(4.978.196.435)
Điều chỉnh các khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ					60.121.518	5.964.782	56.638.328	750.751.415
Loại trừ vốn góp vào Công ty TNHH TMSX Lam Thành do thành lý khoản đầu tư								(2.123.918.130)
Các khoản khác				(280.763.897)				185.934.724
Số dư cuối năm trước	300.000.000.000	114.994.917.000	(9.703.995.196)	(280.763.897)	111.893.296.513	19.457.219.895	177.486.882	135.099.523.294

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SON

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	Lợi nhuận sau thuế
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	114.994.917.000	(9.703.995.196)	(280.763.897)	111.893.296.513	19.457.219.895	177.486.882	135.099.523.294
Cổ đông góp vốn								
<i>Trong đó - bằng tiền</i>								
- <i>cổ tức</i>								68.129.360.483
Lợi nhuận trong kỳ								
Trích lập các quỹ trong kỳ								
Thuế TNDN được miễn giảm để tăng Quỹ đầu tư phát triển								
Loại trừ vốn góp vào các C ty con đã chuyển sang Cty liên kết								
Lợi ích CĐ thiểu số					(15.162.225)	(15.206.050)		(148.066.514)
Đ/c do chuyển Công ty liên kết thành Công ty Con					59.897.800	43.131.044		
Điều chỉnh các khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ					(109.366.818)	(22.723.381)	99.517.052	
Chia cổ tức trong kỳ								(120.000.000)
Các khoản khác				280.763.897				99.674.070
Số dư cuối kỳ này	300.000.000.000	114.994.917.000	(9.703.995.196)		111.828.665.270	19.462.421.508	277.003.934	203.060.491.333

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	300.000.000.000	300.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	114.994.917.000	114.994.917.000
Cổ phiếu quỹ	(9.703.995.196)	(9.703.995.196)
Cộng	<u>405.290.921.804</u>	<u>405.290.921.804</u>

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước ^(a)	23.867.576.000
<i>Trong đó - Trả bằng tiền ^(b)</i>	<i>23.394.895.666</i>
<i>- Trả bằng cổ phiếu ^(c)</i>	
<i>- Bù trừ công nợ phải thu ^(c)</i>	
<i>- Số còn phải trả ^(d)</i>	<i>472.680.334</i>
Cổ tức trong kỳ	
<i>Trong đó - Trả bằng tiền ^(b)</i>	<i>1.311.000</i>
<i>- Trả bằng cổ phiếu ^(c)</i>	
<i>- Bù trừ công nợ phải thu ^(d)</i>	
<i>- Thu lại để chi trong kỳ ^(e)</i>	<i>57.755.000</i>
<i>- Số còn phải trả ^(f)</i>	<i>529.124.334</i>
Số đã trả bằng tiền ^{(b) + (b)-(e)}	<u>23.338.845.666</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
<i>- Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>30.000.000</i>	<i>30.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
<i>- Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>490.530</i>	<i>490.530</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.509.470	29.509.470
<i>- Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>29.509.470</i>	<i>29.509.470</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ phát triển khoa học công nghệ được trích lập dùng để đầu tư cho phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ tại doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	15.622.975.574			17.572.818		15.605.402.756
Quỹ phúc lợi	12.184.233.972			234.177.700		11.950.056.272
Cộng	27.807.209.546			251.750.518		27.555.459.028

27. Nguồn kinh phí

Số đầu năm	84.776.114
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	
Chi sự nghiệp	(47.200.000)
Giảm khác	
Số cuối kỳ	37.576.114

28. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Số đầu năm	738.103.717
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	
Khấu hao trong năm	(48.248.451)
Giảm khác	
Số cuối kỳ	689.855.266

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu**

	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Tổng doanh thu	320.093.452.521	375.179.536.858	320.093.452.521	375.179.536.858
- Doanh thu bán hàng hóa	2.223.486.178	57.422.390.944	2.223.486.178	57.422.390.944
- Doanh thu bán thành phẩm đường	251.361.047.248	313.638.582.347	251.361.047.248	313.638.582.347
- Doanh thu bán thành phẩm khác	57.780.049.750	4.118.563.567	57.780.049.750	4.118.563.567
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.728.869.345		8.728.869.345	
- Doanh thu hoạt động xây dựng		-		-
Các khoản giảm trừ doanh thu:				

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
- Chiết khấu thương mại				
- Giảm giá hàng bán				
- Hàng bán bị trả lại				
Doanh thu thuần	320.093.452.521	375.179.536.858	320.093.452.521	375.179.536.858
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	2.223.486.178	57.422.390.944	2.223.486.178	57.422.390.944
- Doanh thu thuần bán thành phẩm đường	251.361.047.248	313.638.582.347	251.361.047.248	313.638.582.347
- Doanh thu bán thành phẩm khác	57.780.049.750	4.118.563.567	57.780.049.750	4.118.563.567
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	8.728.869.345		8.728.869.345	
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng				
2. Giá vốn hàng bán				
	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	2.252.273.162	47.854.531.287	2.252.273.162	47.854.531.287
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	142.140.464.164	247.387.989.695	142.140.464.164	247.387.989.695
Giá vốn của thành phẩm khác đã cung cấp	53.020.349.906		53.020.349.906	
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.828.198.642	3.320.506.550	7.828.198.642	3.320.506.550
Giá vốn của hợp đồng XD				
Cộng	205.241.285.874	298.563.027.532	205.241.285.874	298.563.027.532
3. Doanh thu hoạt động tài chính				
	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Lãi tiền gửi	3.692.128.985	2.483.660.192	3.692.128.985	2.483.660.192
Lãi tiền cho vay	675.327.252	608.616.400	675.327.252	608.616.400
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu				
Cổ tức, lợi nhuận được chia		559.923.000		559.923.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		79.356.234		79.356.234
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		102.000.009		102.000.009

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Lãi thanh lý công ty con				
Lãi t lý các khoản ĐT ngắn hạn khác				
Lãi bán hàng trả chậm	1.580.971.801	3.988.269.576	1.580.971.801	3.988.269.576
Thu nhập từ các khoản khác	172.767.516	177.028.545	172.767.516	177.028.545
Hoàn nhập DP tài chính		2.663.239.333		2.663.239.333
Cộng	6.121.195.554	10.662.093.289	6.121.195.554	10.662.093.289

4. Chi phí tài chính

	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Chi phí lãi vay	2.347.062.873	5.822.114.400	2.347.062.873	5.822.114.400
Lãi mua hàng trả chậm	138.471.300		138.471.300	
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	44.610.326		44.610.326	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	454.337.285	145.666.569	454.337.285	145.666.569
Lỗ thanh lý công ty con				
Lỗ t lý các khoản đầu tư ngắn hạn khác		3.770.627.333		3.770.627.333
Lỗ t lý các khoản đầu tư dài hạn khác				
DP giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	1.386.082.000		1.386.082.000	
Khác				
Cộng	4.370.563.784	9.738.408.302	4.370.563.784	9.738.408.302

5. Chi phí bán hàng

	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Chi phí nhân viên	2.104.571.433	2.129.406.531	2.104.571.433	2.129.406.531
Chi phí vật liệu, bao bì	11.120.000	18.336.662	11.120.000	18.336.662
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	228.750.950	39.198.714	228.750.950	39.198.714
Chi phí khấu hao TSCĐ	304.556.942	338.206.935	304.556.942	338.206.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.725.860.784	4.859.637.921	2.725.860.784	4.859.637.921
Chi phí bằng tiền khác	586.472.233	771.206.441	586.472.233	771.206.441
Cộng	5.961.332.342	8.155.993.204	5.961.332.342	8.155.993.204

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
--	--------------------------	----------------------------	----------------------------------	------------------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.298.452.158	3.698.793.255	5.298.452.158	3.698.793.255
Chi phí vật liệu quản lý	97.589.392	14.052.632	97.589.392	14.052.632
Chi phí đồ dùng văn phòng	280.353.139	197.638.028	280.353.139	197.638.028
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.269.923.769	2.017.376.983	1.269.923.769	2.017.376.983
Thuế, phí và lệ phí	166.804.869	40.978.733	166.804.869	40.978.733
Chi phí dự phòng		146.420.460		146.420.460
Chi phí dịch vụ mua ngoài	593.748.537	547.525.838	593.748.537	547.525.838
Quỹ đầu tư phát triển KH	10.106.141.260	5.431.166.863	10.106.141.260	5.431.166.863
Chi phí bằng tiền khác	1.543.520.891	1.212.025.157	1.543.520.891	1.212.025.157
Cộng	19.356.534.015	13.305.977.949	19.356.534.015	13.305.977.949

7. Thu nhập khác

	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	150.000.000		150.000.000	
Điều chỉnh thu từ bán vật tư, phế liệu cho Cty Con	(18.131.818)		(18.131.818)	
Lãi đ giá lại TSCĐ đưa đi ĐT dài hạn				
Tiền phạt vi phạm hợp đồng				
Các khoản nợ không xác định được chủ		1.220.000		1.220.000
Các khoản khác	22.329.886	143.698.975	22.329.886	143.698.975
Cộng	154.198.068	144.918.975	154.198.068	144.918.975

8. Chi phí khác

	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, t lý	29.348.365		29.348.365	
CP t lý, nhượng bán TSCĐ	32.948.193		32.948.193	
CP thanh lý vật tư, phế liệu				
Thuế bị phạt, bị truy thu				
Các khoản khác	953.408	94.715.879	953.408	94.715.879
Cộng	63.249.966	94.715.879	63.249.966	94.715.879

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh		19.839.059		19.839.059

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
lệch tạm thời phải chịu thuế				
Cộng		19.839.059		19.839.059

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Quý 1 - Năm 2010</u>	<u>Quý 1 - Năm 2009</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	68.129.360.483	43.413.274.589
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	68.129.360.483	43.413.274.589
Số lượng cổ phiếu phát hành		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân	29.509.470	29.509.470
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
Lãi trên cổ phiếu	2.309	1.471

VIII. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>ĐV</u>	<u>Quý 1 - Năm 2010</u>	<u>Quý 1 - Năm 2009</u>
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn (31/03/2010)			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	66,79	58,63
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	33,21	41,37
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	36,24	29,03
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	62,63	70,17
Lợi ích cổ đông thiểu số/ Tổng nguồn vốn	%	1,13	0,80
Khả năng thanh toán (31/03/2010)			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,76	3,45
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,95	2,20
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,15	0,60

		<u>Quý I 2010</u>	<u>Quý I 2009</u>	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
Tỷ suất sinh lời					
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>					
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	28,41	15,01	19,27	8,28
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	21,28	11,57	14,86	6,44

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	7,41	5,64	21,28	10,80
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	5,55	4,35	16,41	8,41
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế của Công ty trên Vốn chủ sở hữu</i>	%	<i>9,19</i>	<i>6,11</i>	<i>23,61</i>	<i>12,87</i>

Lập ngày 10 tháng 05 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Trung Kiên

Lê Thị Huệ

Lê Văn Thanh